

## **BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Nghị quyết và đánh giá thực trạng các vấn đề có liên quan đến việc đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông**

### **I. BỐI CẢNH**

Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh được ban hành ngày 17/6/2022 đã kịp thời làm cơ sở để UBND tỉnh giao dự toán cho các đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, đáp ứng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về thời gian giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (trước 01/7/2022).

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND là căn cứ pháp lý quan trọng, chủ yếu để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025; góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình bảo đảm đúng phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn; là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp dưới. Đồng thời, làm căn cứ để giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình.

Phân bổ ngân sách được quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND về cơ bản đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách (kết quả bố trí vốn đối ứng của địa phương theo Phụ lục chi tiết đính kèm); thực hiện được các chủ trương của Đảng, chế độ, chính sách nhà nước đã ban hành, đáp ứng cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của mỗi cấp chính quyền địa phương; đồng thời tạo điều kiện cho các địa phương chủ động xây dựng và bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố.



Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện một số dự án, tiểu dự án đã phát sinh khó khăn, vướng mắc như: Cơ quan được giao vốn không nhận được hồ sơ đăng ký tham gia dự án; năng lực, nhân lực của đơn vị được giao vốn không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; không phát sinh nội dung chi từ dự án đã được cấp kinh phí; các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiểu dự án, thành phần dự án không có kinh phí để thực hiện kiểm tra, giám sát; hoạt động truyền thông cấp tỉnh khó thực hiện chi hết dự toán được giao trong khi đó hoạt động truyền thông cơ sở không có kinh phí thực hiện... Dẫn đến, tỷ lệ giải ngân nguồn vốn của một số dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình trong thời gian qua thấp làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện của toàn Chương trình.

Do đó, để phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương khi triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và có cơ sở giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông các năm 2024 và 2025. Đặc biệt, là việc giao dự toán thực hiện năm 2024 (dự kiến vào tháng 12/2023), UBND tỉnh Đắk Nông báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và giải trình một số khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tế cần thiết, cấp thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy định ban hành kèm theo của Nghị quyết.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh để phù hợp các quy định mới được ban hành và đặc biệt phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương khi triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tận dụng tối đa và sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn được Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

Với bối cảnh nêu trên, UBND tỉnh báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trình HĐND tỉnh các nội dung, cụ thể như sau:

## **II. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN TỔNG VỐN CHƯƠNG TRÌNH 02 NĂM 2022 VÀ 2023**

### **1. Kết quả phân bổ nguồn vốn**

**Tổng vốn bố trí trong 2 năm 2022 và 2023 là: 547.054 triệu đồng, trong đó:**



\* **Năm 2022** là 216.796 triệu đồng (Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022).

\* **Năm 2023** là: 330.258 triệu đồng (Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023).

## **2. Kết quả giải ngân vốn đã được giao**

Qua hơn 02 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, kết quả giải ngân toàn Chương trình tuy chưa cao do giai đoạn đầu hệ thống cơ sở pháp lý chưa hoàn thiện, văn bản hướng dẫn chậm ban hành nên việc triển khai gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên đây cũng là kết quả khả quan, đáng khích lệ. Đa số các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình hiện nay đang được các cấp, ngành tăng cường chỉ đạo, khẩn trương triển khai thực hiện giải ngân vốn đã được bố trí 02 năm 2022 và 2023; Dự kiến đến cuối năm 2023 giải ngân đạt 100% vốn bố trí năm 2022 và đạt 70% vốn bố trí năm 2023.

Đến hết ngày 25/9/2023, kết quả giải ngân vốn thực hiện Chương trình trên toàn tỉnh là 149.179 triệu đồng, đạt tỷ lệ 27,27%; trong đó, giải ngân vốn năm 2022 là 138.761 triệu đồng, đạt tỷ lệ 64,01%; vốn năm 2023 là 10.418 triệu đồng, đạt tỷ lệ 3,15%

*(Phụ lục chi tiết bố trí vốn, đối ứng của địa phương và kết quả giải ngân đính kèm).*

## **III. THỰC TRẠNG CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CÀN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TỶ LỆ PHÂN BỐ VỐN CỦA CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN THÀNH PHẦN**

### **1. Đối với quy định tỷ lệ phân bổ nguồn vốn Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

#### ***a) Tình hình phân bổ vốn, kết quả triển khai thực hiện***

Theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, tổng nguồn vốn 2 năm 2022-2023 đã giao để các cơ quan, đơn vị thực hiện Dự án là 50.383 triệu đồng (vốn năm 2022 là 14.317 triệu đồng; vốn năm 2023 là 36.066 triệu đồng). Trong đó, cấp tỉnh: (Sở Lao động – TB&XH) 10.076 triệu đồng; các huyện, thành phố: 40.307 triệu đồng.

Tháng 4/2023, sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục,... lựa chọn dự án, các đơn vị, địa phương được giao vốn đã tiến hành triển khai thực hiện Dự án. Đến nay, toàn tỉnh đã giải



ngân tổng số tiền 758 triệu đồng (từ nguồn vốn năm 2022), tỷ lệ đạt 1,50%/vốn bố trí 2 năm và đây cũng là kết quả giải ngân vốn tại các huyện; đối với cấp tỉnh (Sở Lao động - TB&XH) chưa giải ngân, tỷ lệ đạt 0%.

Hiện nay, UBND các huyện đang tiếp tục triển khai thực hiện, dự kiến đến cuối năm 2023 tại các huyện giải ngân 100%; Đối với vốn giao về Sở Lao động - TB&XH, khó giải ngân, dự kiến từ nay đến cuối năm 2023 giải ngân đạt khoảng 50% (bao gồm vốn năm 2023 và vốn năm 2022 chuyển qua).

### ***b) Các lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tỷ lệ phân bổ vốn của Dự án***

Theo các quy định về thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án cấp tỉnh (Sở Lao động - TB&XH) chỉ thực hiện được dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phạm vi liên huyện, các phương thức hỗ trợ còn lại: cộng đồng, nhiệm vụ, đặc thù và chuỗi giá trị trong phạm vi một huyện không thực hiện được. Trong khi đó, tỷ lệ vốn bố trí 02 năm vừa qua cho cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh (Sở Lao động - TB&XH) tương đối lớn (chiếm 20% tổng vốn bố trí toàn dự án, tương đương 10.076 triệu đồng).

Trên địa bàn tỉnh đa số các chuỗi giá trị liên kết đều được thực hiện trong phạm vi một huyện, có quy mô nhỏ lẻ, số lượng chuỗi liên kết phạm vi liên huyện hiện nay rất ít. Trong khi đó điều kiện quy định, để dự án được phê duyệt yêu cầu mỗi chuỗi liên kết phải có 50% thành viên tham gia chuỗi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (theo các báo cáo đánh giá: năng lực sản xuất của người nghèo còn nhiều hạn chế, kỹ năng áp dụng khoa học kỹ thuật yếu, ... rất dễ làm đứt gãy các chuỗi liên kết); Đồng thời, nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước và mục tiêu của Chương trình là đầu tư, hỗ trợ cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo. Đối với các hộ không là hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, hợp tác xã, doanh nghiệp,... khi tham gia vào dự án chỉ được hỗ trợ các nội dung như đào tạo kiến thức lý thuyết, kỹ thuật sản xuất. Dự án được ký kết hợp đồng trách nhiệm giữa đơn vị nhà nước được giao vốn và đơn vị chủ trì liên kết. Trách nhiệm pháp lý và quản lý chuỗi của đơn vị chủ trì liên kết rất cao nhưng mức thụ hưởng nguồn lực từ dự án rất ít, từ đó rất khó để thu hút các hợp tác xã, doanh nghiệp ký kết hợp đồng tham gia dự án. Cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án (Sở Lao động - TB&XH) phụ thuộc vào yếu tố có hoặc không có hồ sơ đăng ký tham gia dự án của đơn vị chủ trì liên kết.

Với tỷ lệ phân bổ vốn được quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, nếu năm 2024 và năm 2025 tiếp tục phân bổ 20% vốn thực hiện Dự án về cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án (Sở Lao động - TB&XH) sẽ rất khó khăn trong việc giải ngân do phụ thuộc vào yếu tố có hoặc không có hồ sơ đăng ký tham gia dự án của đơn vị chủ trì liên kết; khó tận dụng tối đa nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ để giúp nhiều đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh được tiếp cận nhanh và hiệu quả nguồn vốn thực hiện



Dự án; đồng thời UBND tỉnh không chủ động, linh hoạt được trong việc giao dự toán ngân sách nhà nước nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Do đó, việc điều chỉnh tỷ lệ phân bổ vốn của Dự án 2 đã được quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND (20% cho cơ quan cấp tỉnh), thành định mức tối đa 10% về cấp tỉnh, tối thiểu 90% về cấp huyện để thực hiện Dự án là cần thiết và cấp thiết và phù hợp với các quy định hiện hành.

## **2. Đối với quy định tỷ lệ phân bổ nguồn vốn thực hiện Tiểu dự án 1 (thuộc dự án 3) Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

### ***a) Tình hình phân bổ vốn, kết quả triển khai thực hiện***

Theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, tổng nguồn vốn phân bổ cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện Tiểu dự án trong 2 năm 2022 và năm 2023 là 22.102 triệu đồng. Trong đó: cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn): 4.420 triệu đồng; các huyện, thành phố: 17.682 triệu đồng.

Trên cơ sở các văn bản quy định hiện hành, hiện nay UBND các huyện đang hoàn thiện hồ sơ và tổ chức thực hiện Dự án theo quy định, không gặp vướng mắc, dự kiến đến cuối năm 2023 giải ngân 100% vốn được giao.

Riêng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ mới tổ chức thực hiện được nội dung tập huấn quản lý chuỗi phát liên kết sản xuất, tỷ lệ giải ngân đạt rất thấp (165.690 triệu đồng/4.420.000 triệu đồng).

### ***b) Các lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tỷ lệ phân bổ vốn của Tiểu dự án***

Theo các quy định, cơ quan cấp tỉnh chủ trì tiểu dự án (Sở Nông nghiệp và PTNT) chỉ được thực hiện 2 phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất, gồm: dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phạm vi liên huyện và hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

Tuy nhiên, đối với phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phạm vi liên huyện (gặp khó khăn, vướng mắc tương tự như Dự án 2 đã giải trình nêu trên) và phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ khó thực hiện, với lý do quy định tại khoản 14, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

*“Đối với thực hiện các dự án, mô hình thuộc quản lý của địa phương, chỉ áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trong trường hợp đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại Điều 21 (chuỗi giá trị), Điều 22 (cộng đồng) nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc thực hiện các dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho*



*các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.”*

Theo báo cáo, đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT nếu các năm 2024, 2025 tiếp tục phân 20% vốn thực hiện Tiểu dự án về đơn vị thì sẽ rất khó khăn trong việc giải ngân, do đó việc điều chỉnh tỷ lệ phân bổ vốn của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, thành định mức tối đa 10% về cấp tỉnh, tối thiểu 90% về cấp huyện để thực hiện Dự án là cần thiết, cấp thiết và phù hợp với các quy định hiện hành.

### **3. Đối với quy định tỷ lệ phân bổ nguồn vốn thực hiện Tiểu dự án 2 (thuộc dự án 3) cải thiện dinh dưỡng**

#### ***a) Tình hình phân bổ vốn, kết quả triển khai thực hiện***

Trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, UBND tỉnh đã thực hiện phân bổ 80% ngân sách, tương ứng 4.573 triệu đồng/5.716 triệu đồng cho UBND các huyện triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 Cải thiện dinh dưỡng năm 2023 (đối với dự án này năm 2022 Trung ương không giao vốn). Trong đó, giao về Sở Y tế (đơn vị cấp tỉnh chủ trì Tiểu dự án) 1.143 triệu đồng, còn lại phân về UBND các huyện 4.573 triệu đồng.

Đến thời điểm báo cáo, Sở Y tế đã giải ngân được 114 triệu đồng đạt tỷ lệ 9,97% vốn được giao; tuy tiến độ giải ngân chậm do thời gian vừa qua địa phương phải chờ Bộ ngành Trung ương ban hành hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án. Tới thời điểm hiện nay, Kế hoạch triển khai nguồn vốn của Sở Y tế không còn vướng mắc, do đó phấn đấu đến cuối năm 2023 Sở Y tế giải ngân 100% vốn được giao thực hiện tiểu dự án.

Đối với các huyện, hiện nay đang xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, chưa giải ngân.

#### ***b) Các lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tỷ lệ phân bổ vốn của Tiểu dự án***

Theo báo cáo của các huyện, vốn giao Tiểu dự án sẽ được UBND huyện phân bổ về Phòng Y tế để triển khai thực hiện, tuy nhiên hiện nay một số huyện như (Đắk Mil, Tuy Đức, Đắk Glong) Phòng y tế cấp huyện không đủ năng lực và nhân lực để tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn, đặc biệt hiện nay, một số huyện đã sáp nhập Phòng Y tế vào Văn phòng UBND huyện nên quá trình triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn;

Bên cạnh đó, Trung tâm Y tế cấp huyện đủ năng lực để thực hiện các nội dung của Tiểu dự án, thì Trung tâm y tế cấp huyện lại là đơn vị trực thuộc Sở Y tế, là đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Y tế (đơn vị dự toán cấp 1), kinh phí hoạt động của Trung tâm Y tế huyện không thuộc phạm vi điều hành của ngân sách huyện. Do đó, theo Luật ngân sách UBND huyện không thể giao vốn về Trung tâm y tế cấp huyện để triển khai dự án.



Do đó, việc phân 100% nguồn vốn về Sở Y tế (cơ quan cấp tỉnh chủ trì tiêu dự án) là để thuận tiện trong quá trình thanh quyết toán, đảm bảo nguồn nhân lực, phù hợp điều kiện chuyên môn của Trung tâm Y tế các huyện. Đồng thời, tăng cường được sự hỗ trợ chuyên môn từ các đơn vị tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế (*Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh, Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tỉnh*). Trên thực tế, quá trình triển khai các hoạt động cụ thể thực hiện Tiêu dự án như hỗ trợ cho bà mẹ, trẻ em tại các trường học, hộ gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các xã ... Sở Y tế vẫn phải phối hợp với UBND các huyện để triển khai như hiện nay. Kinh phí thực hiện tiêu dự án sẽ được Sở Y tế thống nhất với UBND các huyện trước khi giao cho Trung tâm y tế các huyện nhằm đảm bảo phạm vi, đối tượng thụ hưởng Chương trình và phù hợp thực tiễn tại tỉnh.

#### **4. Đối với tỷ lệ phân bổ vốn thực hiện Tiêu dự án 2 (thuộc dự án 6) Truyền thông về giảm nghèo đa chiều**

Trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, năm 2022 và năm 2023 đã giao 2.682 triệu đồng (vốn sự nghiệp) cho Sở Lao động - TB&XH (cơ quan cấp tỉnh chủ trì tiêu dự án). Theo báo cáo, Sở Lao động - TB&XH đã triển khai thực hiện và giải ngân 486/486 triệu đồng đạt tỷ lệ 100% nguồn vốn được giao năm 2022. Năm 2023, chỉ mới giải ngân được 600/2.196 triệu đồng, đạt tỷ lệ 40,49%.

##### **\* Các lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tỷ lệ phân bổ vốn Tiêu dự án**

Theo tỷ lệ phân bổ vốn của dự án quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 6 năm 2022 thì 100% nguồn vốn của tiêu dự án giao về cơ quan cấp tỉnh - Sở Lao động - TB&XH, trong khi đó tại các huyện, thành phố hai năm vừa qua không được phân bổ nguồn lực này để thực hiện truyền thông tại cộng đồng.

Ngày 30/6/2022, (sau khi Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND được ban hành) Bộ Thông tin và truyền thông mới ban hành Thông tư số 06/TT/2022-BTTTT Hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 quy định “Điều 14. *Nhiệm vụ công tác thông tin, truyền thông về công tác giảm nghèo đa chiều và Điều 15 Các hình thức thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo đa chiều*”. Theo đó, các nhiệm vụ và hình thức thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo đa chiều thực hiện được ở cả cơ quan cấp tỉnh và cấp cơ sở (huyện, xã). Với các hình thức nêu trên việc ưu tiên nguồn lực để cấp tỉnh thực hiện các nội dung thông tin, tuyên truyền trên báo chí, xuất bản phẩm; tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau” quy mô cấp tỉnh; thực hiện các Chương trình truyền hình, phát hành sổ tay, tờ rơi; duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo; Cấp huyện có thể thực hiện được các hoạt động thực tế tại cộng đồng, như: tổ chức đối thoại nói



chuyện chuyên đề; sân khấu hóa các hoạt động truyền thông về giảm nghèo thu hút chính người dân tham gia sẽ sát với tình hình thực tiễn tại tỉnh ta (tỷ lệ hộ nghèo cao (tỷ lệ 7,97%), trong đó hộ nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao (20,11%) số liệu rà soát cuối năm 2022. Địa hình tại tỉnh ta đa phần đồi núi, nhiều thôn/buôn/bon cách xa trung tâm các xã, thị trấn,...

Do đó, với tỷ lệ phân bổ vốn quy định thực hiện Tiêu dự án 2 Truyền thông về giảm nghèo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022, mới chỉ phân bổ vốn cho cơ quan chủ trì tiêu dự án cấp tỉnh (Sở Lao động - TB&XH); cấp cơ sở (huyện/xã) không có kinh phí để thực hiện nhiệm vụ này. Đồng thời, để thực hiện hiệu quả nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia quy định tại khoản 3, Điều 4, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 ngày 4 năm 2022 của Chính phủ: “3. *Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia*”, việc phân bổ vốn về cấp cơ sở đối với tiêu dự án này sẽ hạn chế tình trạng cơ quan cấp tỉnh dư vốn, cấp cơ sở thiếu vốn, nhằm tận dụng tối đa nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện tiêu dự án 2 thuộc Dự án 6 trên địa bàn tỉnh. Do đó, đề xuất điều chỉnh thành: phân bổ 40% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh và phân bổ 60% ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiêu dự án 2, Dự án 6, nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn tại tỉnh và đảm bảo các quy định hiện hành.

### **5. Đối với tỷ lệ phân bổ vốn thực hiện Dự án 7 Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

Theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, tổng nguồn vốn được phân bổ 2 năm là 13.385 triệu đồng giao về cho Sở Lao động - TB&XH (cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án 7) là 4.953 triệu đồng; UBND các huyện, thành phố là 7.432 triệu đồng để thực hiện các nội dung tập huấn nâng cao năng lực, triển khai chương trình học tập kinh nghiệm, kiểm tra giám sát, đánh giá ...;

#### ***\* Các lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tỷ lệ phân bổ vốn của Dự án***

Theo tỷ lệ phân bổ nêu trên, hiện nay các Sở, ngành chủ trì dự án, tiêu dự án thành phần (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tiêu dự án 1, thuộc dự án 3; Sở Y tế chủ trì tiêu dự án 2 thuộc dự án 3; Sở Xây dựng chủ trì dự án 5; Sở Thông tin và truyền thông chủ trì tiêu dự án 1 thuộc dự án 6) không có kinh phí để triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực thực hiện chương trình.

Do đó, việc điều chuyển 20% ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án, tiêu dự án thành phần thuộc chương trình để tổ chức giám sát,



đánh giá các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công là rất cần thiết và đảm bảo quy định hiện hành.

## **6. Đối với việc đề xuất sửa đổi tên gọi “cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án” thành “cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án”**

Tại các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định:

1. *Dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là dự án thành phần) là tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động và giải pháp cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia.*

2. *Chủ dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là chủ dự án thành phần) là bộ, cơ quan trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao **chủ trì quản lý** một hoặc một số dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định đầu tư chương trình.*

3. *Cơ quan **chủ quản chương trình** mục tiêu quốc gia (được gọi là cơ quan chủ quản chương trình) là các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.*

Để áp dụng nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG theo Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP), ngày 29/9/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND để phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Trong đó:

### *“1. Các cơ quan chủ trì các chương trình MTQG*

a) *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.*

b) *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố (UBND cấp huyện) chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.*

c) *Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030,*



giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

## 2. Các cơ quan chủ trì dự án thành phần các chương trình MTQG

Các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án thành phần thuộc các chương trình MTQG là các cơ quan tương ứng với các Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện các dự án thành phần của các chương trình MTQG được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Dân tộc, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội nông dân tỉnh, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Đắk Nông, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh”.

Thời điểm tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 thì các văn bản quy định của Trung ương đã số mới được ban hành, thời gian nghiên cứu để tham mưu Nghị quyết tương đối gấp. Do đó, khi đơn vị tham mưu soạn thảo áp dụng tên gọi “cơ quan cấp tỉnh chủ quản Dự án” vào các Khoản thuộc Điều 6 của quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND là chưa chính xác. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất với các nội dung được quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND thì việc phải sửa đổi quy định “**chủ quản**” thành “**chủ trì**” tại các Khoản của Điều 6 là cần thiết và phù hợp với các quy định hiện hành trong thực hiện Chương trình.

UBND tỉnh báo cáo các nội dung như trên đề HĐND tỉnh có cơ sở xem xét Tờ trình và thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông./.

### Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH, Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Q).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Tôn Thị Ngọc Hạnh





**Phụ lục**  
**BỘ TRƯỞNG VÀ GIẢI NGÂN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO NĂM 2022, NĂM 2023 ĐẾN NGÀY 25/9/2023**  
*(Kèm theo Báo cáo số 692/BC-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

Stt	Chương trình/Dự án, tiêu dự án	NĂM 2022 (đã giao tại QĐ số 2115/QĐ-UBND)										NĂM 2023 (đã giao tại QĐ số 2115/QĐ-UBND)										Kết quả giải ngân vốn năm 2023	Tỷ lệ giải ngân vốn năm 2023 (%)	Tỷ lệ giải ngân vốn năm 2022 (%)	Tỷ lệ giải ngân vốn năm 2023 (%)	Chức vụ													
		Trung ương					Địa phương					Trung ương					Địa phương																						
		Tổng cộng năm 2022	Vốn TW	Vốn phát triển	Vốn nghiệp vụ	Tổng cộng năm 2022	Vốn đầu tư phát triển	Vốn nghiệp vụ	Tổng cộng năm 2022	Vốn đầu tư phát triển	Vốn nghiệp vụ	Tổng cộng năm 2023	Vốn TW	Vốn phát triển	Vốn nghiệp vụ	Tổng cộng năm 2023	Vốn đầu tư phát triển	Vốn nghiệp vụ	Tổng cộng năm 2023	Vốn TW	Vốn phát triển						Vốn nghiệp vụ												
	<b>TỔNG CỘNG (I + II + III + IV + V + VI)</b>	547.054	197.088	151.311	45.777	19.708	15.131	4.577	300.235	162.989	137.246	30.023	16.300	13.723	1.49479	136.761	133.876	124.633	9.263	4.885	1.416	3.469	10.018	9.184	7.319	1.815	715	519	27.27	64.01	3.13								
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	319.988	133.169	129.400	3.769	13.317	12.940	377	173.502	143.389	14.340	15.773	14.339	1.434	126.568	119.422	118.095	116.441	1.654	1.337	1.231	386	6246	6.560	6.560	0	386	149	237	39.49	81.52	4.00							
I	Hợp đồng 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo	246.025	146.486	133.169	3.769	13.317	12.940	377	99.539	90.490	82.263	8.227	9.049	8.226	823	126.568	119.422	118.095	116.441	1.654	1.337	1.231	386	6.546	6.560	6.560	0	386	149	237	51.26	81.52	6.98						
*	Phân cấp cho cấp huyện	246.025	146.486	133.169	3.769	13.317	12.940	377	99.539	90.490	82.263	8.227	9.049	8.226	823	126.568	119.422	118.095	116.441	1.654	1.337	1.231	386	6.546	6.560	6.560	0	386	149	237	51.26	81.52	6.98						
1	UBND huyện Tuy Đức	122.279	72.811	66.192	1.884	6.619	6.431	188	49.468	44.971	40.832	4.039	4.407	4.038	409	69.860	63.014	60.033	6.033	5.408	5.408	0	386	6.560	6.560	6.560	0	386	149	237	57.21	86.54	14.04						
2	UBND huyện Đắk Glong	123.746	73.675	65.977	1.885	6.698	6.509	189	50.071	45.519	41.381	4.138	4.552	4.138	414	56.408	56.408	56.408	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	42.58	76.56	0.00						
2	Tiêu dự án 2: Để an tâm hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn	73.963	0	0	0	0	0	0	73.963	67.239	61.126	6.113	6.724	6.113	611	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0.00	0.00							
	UBND huyện Đắk Glong	73.963	0	0	0	0	0	0	73.963	67.239	61.126	6.113	6.724	6.113	611	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0.00	0.00							
II	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	10.076	2.863	2.603	2.603	2.60	2.60	260	7.213	6.557	6.557	6.557	6.557	0	656	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.58	5.29	0.00							
*	Các Sở, ban, ngành	10.076	2.863	2.603	2.603	2.60	2.60	260	7.213	6.557	6.557	6.557	6.557	0	656	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	40.307	11.454	10.413	10.413	10.413	10.413	1.041	28.853	26.230	26.230	26.230	26.230	0	2.623	788	788	746	746	11	11	11	11	11	11	11	11	11	0	0	0	0	0						
*	Phân cấp cho cấp huyện	5.616	1.595	1.450	1.450	1.45	1.45	145	4.021	3.655	3.655	3.655	3.655	0	366	117	117	110	110	7	7	7	7	7	7	7	7	7	0	0	0	0	0						
1	UBND huyện Krông Nô	4.718	1.341	1.219	1.219	1.22	1.22	122	3.377	3.070	3.070	3.070	3.070	0	307	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
2	UBND huyện Cư Jiê	4.944	1.405	1.213	1.213	1.28	1.28	128	3.539	3.217	3.217	3.217	3.217	0	322	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
3	UBND huyện Đắk M'lih	4.267	1.213	1.103	1.103	1.10	1.10	110	3.054	2.777	2.777	2.777	2.777	0	277	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
4	UBND huyện Đắk Song	4.943	1.404	1.277	1.277	1.27	1.27	127	3.539	3.217	3.217	3.217	3.217	0	322	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
5	UBND huyện Đắk P'ng	5.887	1.673	1.521	1.521	1.52	1.52	152	4.214	3.831	3.831	3.831	3.831	0	383	50	50	45	45	5	5	5	5	5	5	5	5	5	0	0	0	0	0	0					
6	UBND huyện Tuy Đức	5.887	1.673	1.521	1.521	1.52	1.52	152	4.214	3.831	3.831	3.831	3.831	0	383	50	50	45	45	5	5	5	5	5	5	5	5	5	0	0	0	0	0	0	0				
7	UBND huyện Đắk Glong	4.045	1.150	1.045	1.045	1.05	1.05	105	2.895	2.632	2.632	2.632	2.632	0	263	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	2.718	6195	5.631	5.631	5.64	5.64	564	21.623	19.657	19.657	19.657	19.657	0	1.966	2.132	2.038	1.928	1.928	110	110	110	110	114	114	114	114	114	67	7.74	32.96	0.33							
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	4.420	1.239	1.126	1.126	1.13	1.13	113	3.181	2.892	2.892	2.892	2.892	0	289	875	875	875	875	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
*	Các Sở, ban, ngành	4.420	1.239	1.126	1.126	1.13	1.13	113	3.181	2.892	2.892	2.892	2.892	0	289	875	875	875	875	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17.682	4.956	4.505	4.505	4.51	4.51	451	12.736	11.569	11.569	11.569	11.569	0	1.157	1.163	1.063	1.063	1.063	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	UBND huyện Krông Nô	2.465	692	629	629	63	63	63	1.738	1.612	1.612	1.612	1.612	0	161	117	110	110	110	7	7	7	7	7	7	7	7	7	0	0	0	0	0	0	0	0			
2	UBND huyện Cư Jiê	2.069	580	527	527	53	53	53	1.489	1.354	1.354	1.354	1.354	0	135	135	135	135	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	UBND huyện Đắk M'lih	2.168	607	552	552	55	55	55	1.501	1.419	1.419	1.419	1.419	0	142	142	142	142	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
4	UBND huyện Đắk Song	1.873	525	477	477	48	48	48	1.348	1.225	1.225	1.225	1.225	0	123	123	123	123	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
5	UBND huyện Đắk P'ng	2.168	607	552	552	55	55	55	1.501	1.419	1.419	1.419	1.419	0	142	142	142	142	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
6	UBND huyện Tuy Đức	2.583	724	658	658	66	66	66	1.859	1.690	1.690	1.690	1.690	0	169	169	169	169	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
7	UBND huyện Đắk Glong	2.583	724	658	658	66	66	66	1.859	1.690	1.690	1.690	1.690	0	169	169	169	169	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	1.773	497	452	452	45	45	45	1.276	1.160	1.160	1.160	1.160	0	116	116	116	116	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
2	Các Sở, ban, ngành	1.143	0	0	0	0	0	0	5.716	5.196	5.196	5.196	5.196	0	520	114	114	114	114	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	Sở Y tế	1.143	0	0	0	0	0	0	1.143	1.039	1.039	1.039	1.039	0	104	114	114	114	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
*	Phân cấp cho cấp huyện	616	0	0	0	0	0	0	4.573	4.157	4.157	4.157	4.157	0	416	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	UBND huyện Krông Nô	499	0	0	0	0	0	0	616	560	560	560	560	0	56	56	56	56	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	UBND huyện Cư Jiê	499	0	0	0	0	0	0	499	454	454	454	454	0	45	45	45	45																					







